

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024.

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy và bà Nguyễn Võ Phương Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953, tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng bà P và ông Nguyễn Văn H có 4 con chung gồm: Nguyễn Trường Vinh, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1984; Nguyễn Hải T, sinh năm 1986; Nguyễn Nhật M, sinh năm 1991. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể chung sống với nhau được nữa nên năm 2009 ông H và bà P không còn chung sống với nhau. Kể từ năm 2009 cho đến nay giữa bà P và ông H không còn

mối liên hệ nào với nhau nữa, mạnh ai nấy sống. Đến ngày 04/05/2015 ông H đã chuyển khẩu về huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Năm 2023 để làm thủ lục ly hôn bà P có đến Công an huyện T ở đây cho thông tin ông Nguyễn Văn H2 hiện có đăng ký thường trú ở hộ bà sầm Thị K, thôn B, xã B, huyện T. Khi đến xã B thì Công an xã B cũng cho biết ông H2 có tên trong hộ bà sầm Thị K thôn B và cho biết giấy Căn cước công dân của ông H2 tại Công an xã vẫn còn vì ông đã làm căn cước nhưng chưa đến nhận. Hiện nay bà P xác định bà và ông H2 không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2009 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Cả 04 người con chung đã thành niên và có khả năng lao động, có cuộc sống riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/7/2024. Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 31/7/2024 nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Bà Nguyễn Thị P có đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương nơi của các đương sự cư trú tại thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận xác nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị P chung sống tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, ông Nguyễn Văn H đã chuyển khẩu về huyện T, tỉnh Ninh Thuận từ 04/5/2015.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P theo quy định pháp luật.

Về chi phí đăng tin, thông báo cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 2.050.000đ bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại địa bàn huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng bằng hình thức đăng tin trên B, thông báo trên Đ, nội dung có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị P (*Yêu cầu ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Căn cước công dân, xác nhận thông tin về cư trú. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 173, 180, 181 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn-ông Nguyễn Văn H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (*khoản 2 Điều 92 của BLTTDS*). Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn-ông Nguyễn Văn H đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn-ông Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1981 không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình, tại điểm a, khoản 3 Nghị quyết hướng dẫn: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông H có xảy ra mâu thuẫn, thường hay xích mích, bất đồng quan điểm cãi nhau do ông H hay uống rượu say về kiếm chuyện, gây gỗ chửi mắng, đánh đập bà P nhiều lần, hai người không còn sống chung với nhau từ năm 2009 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bà P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không thể quay về chung sống đoàn tụ với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống có xác nhận có sự việc bà P và ông H chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, ông H đã chuyển khẩu từ thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận về huyện T, tỉnh Ninh Thuận từ 04/5/2015. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của bà P, ông H là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có lỗi từ phía ông

H. Nên căn cứ vào các điều 85, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Bà P và ông H có 4 con chung gồm: Nguyễn Trường Vinh, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1984; Nguyễn Hải T, sinh năm 1986; Nguyễn Nhật M, sinh năm 1991. Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng, bà P không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS. Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị P được miễn án phí.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P đối với Bị đơn là ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

Về án phí: bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, công khai, Nguyên đơn, Bị đơn vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Phước Trí